

Thái Nguyên, ngày 28 tháng 10 năm 2018

ĐIỂM THI

PHẦN V.3: NGHIỆP VỤ CÔNG TÁC MTTQ VÀ ĐOÀN THỂ NHÂN DÂN Ở CƠ SỞ
LỚP TCLLCT-HC HỆ TẬP TRUNG KHÓA 1 LỚP A, TẠI TRƯỜNG QUÂN SỰ QUÂN KHU I

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
1	Hoàng Công An	1	32	7.5	Bảy rưỡi	
2	Chu Quang Anh	3	39	7.0	Bảy	
3	Lê Bá Ánh	4	15	7.0	Bảy	
4	Ngân Bá Ân	2	31	7.5	Bảy rưỡi	
5	Bàn Hữu Ba	5	40	7.5	Bảy rưỡi	
6	Nguyễn Đăng Bản	6	38	7.5	Bảy rưỡi	
7	Phạm Văn Bình	7	37	6.0	Sáu	
8	Nông Văn Cảnh	8	36	7.0	Bảy	
9	Hoàng Văn Chang	9	45	7.0	Bảy	
10	Hà Viết Chiến	10	44	6.5	Sáu rưỡi	
11	Nông Hoàng Chiến	11	14	7.0	Bảy	
12	Dương Công Chung	12	43	7.0	Bảy	
13	Ma Văn Chung	13	13	7.5	Bảy rưỡi	
14	Hoàng Chí Công	14	42	7.0	Bảy	
15	Hà Quốc Cường	15	41	7.0	Bảy	
16	Ma Văn Cường	16	50	6.5	Sáu rưỡi	
17	Lý Anh Dũng	17	49	8.0	Tám	
18	Đàm Tiến Dũng	18	48	7.0	Bảy	
19	Vũ Bá Bình Dương	19	47	6.5	Sáu rưỡi	
20	Hà Văn Duy	20	46	6.5	Sáu rưỡi	
21	Hoàng Văn Duy	21	54	6.0	Sáu	



lt

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
22	Lương Văn Đạt	22	55	6.5	Sáu rưỡi	
23	Thân Văn Điệp	23	53	7.5	Bảy rưỡi	
24	Hoàng Tây Đô	24	52	6.5	Sáu rưỡi	
25	Hoàng Văn Đô	25	51	6.0	Sáu	
26	Nông Xuân Đoàn	26	60	6.0	Sáu	
27	Nguyễn Văn Đức	27	59	6.0	Sáu	
28	Trần Văn Đức	28	03	7.0	Bảy	
29	Lý Văn Đức	29	02	7.5	Bảy rưỡi	
30	Ma Văn Đước	30	58	7.5	Bảy rưỡi	
31	Hà Văn Giang	31	57	6.5	Sáu rưỡi	
32	Lê Quang Giáp	32	56	8.0	Tám	
33	Hoàng Thiện Hải	33	65	8.0	Tám	
34	Đỗ Nguyên Hân	34	64	6.5	Sáu rưỡi	
35	Chu Văn Hiền	35	63	6.5	Sáu rưỡi	
36	Vy Văn Hiện	36	12	8.0	Tám	
37	Hoàng Văn Hiệp	37	10	8.0	Tám	
38	Sầm Trung Hiếu	38	62	6.0	Sáu	
39	Long Văn Hiếu	39	61	6.0	Sáu	
40	Hoàng Văn Hiệu	40	70	7.0	Bảy	
41	Nông Văn Hoạch	41	01	6.0	Sáu	
42	Ngô Huy Hoàng	42	69	7.0	Bảy	
43	Hoàng Hữu Học	43	67	7.0	Bảy	
44	Vi Văn Hồng	44	68	6.5	Sáu rưỡi	
45	Lý Quang Hùng	45	66	7.0	Bảy	
46	Nguyễn Văn Hùng	46	75	7.0	Bảy	
47	Bùi Văn Hùng	47	74	7.0	Bảy	
48	Chu Văn Hùng	48	73	7.5	Bảy rưỡi	
49	Hoàng Mạnh Hùng	49	72	6.0	Sáu	
50	Lê Dương Hưng	50	71	7.5	Bảy rưỡi	
51	Lương Đức Duy Hưng	51	80	6.0	Sáu	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
52	Hoàng Quốc Hương	52	79	7.0	Bảy	
53	Lộc Văn Huyết	53	78	6.5	Sáu rưỡi	
54	Giáp Văn Khang	54	77	7.0	Bảy	
55	Nông Văn Kiên	55	76	6.0	Sáu	
56	Hứa Văn Lân	56	85	7.0	Bảy	
57	Hoàng Văn Linh	57	84	8.0	Tám	
58	Triệu Ngọc Linh	58	83	6.0	Sáu	
59	Chu Phúc Long	59	05	6.5	Sáu rưỡi	
60	Nông Văn Lực	60	82	7.5	Bảy rưỡi	
61	Trần Văn Lượng	61	81	7.5	Bảy rưỡi	
62	Phùng Công Minh	62	09	7.5	Bảy rưỡi	
63	Nông Văn Mong	63	08	8.0	Tám	
64	La Hoài Nam	64	90	6.5	Sáu rưỡi	
65	Nguyễn Xuân Năng	65	89	6.0	Sáu	
66	Vi Văn Nga	66	-	-	-	Không đủ ĐKDT
67	Hà Văn Nguyên	67	88	6.5	Sáu rưỡi	
68	Hoàng Trung Nguyên	68	87	6.0	Sáu	
69	Diệp Văn Nguyên	69	86	7.5	Bảy rưỡi	
70	Hoàng Văn Niên	70	95	7.0	Bảy	
71	Hoàng Thọ Ninh	71	94	8.0	Tám	
72	Triệu Văn Phúc	72	93	7.5	Bảy rưỡi	
73	Ngô Văn Phụng	73	91	7.0	Bảy	
74	Hoàng Văn Quân	74	20	6.5	Sáu rưỡi	
75	Ma Khánh Quân	75	11	7.5	Bảy rưỡi	
76	Lèng Hữu Quang	76	92	7.0	Bảy	
77	Đinh Như Quý	77	19	7.5	Bảy rưỡi	
78	Hoàng Văn Quý	78	07	6.0	Sáu	
79	Bùi Văn Sang	79	04	7.0	Bảy	
80	Đặng Văn Sinh	80	18	6.5	Sáu rưỡi	
81	Chu Văn Sơ	81	100	7.0	Bảy	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
82	Triệu Quang Sơn	82	17	6.5	Sáu rưỡi	
83	Vi Văn Sơn	83	99	7.5	Bảy rưỡi	
84	Hoàng Văn Sương	84	98	7.0	Bảy	
85	Phùng Thế Tài	85	97	7.5	Bảy rưỡi	
86	Đinh Quang Thắng	86	96	7.0	Bảy	
87	Hoàng Văn Thanh	87	105	6.5	Sáu rưỡi	
88	Hoàng Chí Thanh	88	104	7.0	Bảy	
89	Hoàng Tuấn Thành	89	103	7.0	Bảy	
90	Ma Văn Thế	90	102	6.5	Sáu rưỡi	
91	Nông Quốc Thế	91	-	-	-	Không đủ ĐKDT
92	Nguyễn Văn Thị	92	16	7.0	Bảy	
93	Hoàng Xuân Thiêm	93	101	7.5	Bảy rưỡi	
94	Lộc Huy Thiệp	94	110	8.0	Tám	
95	Triệu Tiến Thọ	95	109	7.5	Bảy rưỡi	
96	Dương Văn Thư	96	25	8.0	Tám	
97	Trần Văn Thụ	97	24	8.0	Tám	
98	Mạch Văn Thương	98	108	8.0	Tám	
99	Trần Văn Thương	99	107	7.0	Bảy	
100	Dương Văn Toàn	100	106	7.0	Bảy	
101	Hà Đức Trình	101	06	7.5	Bảy rưỡi	
102	Đàm Văn Trọng	102	23	6.5	Sáu rưỡi	
103	Nguyễn Duy Truân	103	133	7.0	Bảy	
104	Phạm Quốc Trung	104	114	7.5	Bảy rưỡi	
105	Vi Văn Trường	105	113	7.0	Bảy	
106	Lý A Tu	106	115	7.0	Bảy	
107	Vũ Đình Tú	107	112	7.0	Bảy	
108	Nịnh Văn Tuấn	108	111	8.0	Tám	
109	Nguyễn Hà Tuấn	109	120	7.0	Bảy	
110	Hoàng Thanh Tuấn	110	119	7.0	Bảy	
111	Hứa Văn Tuấn	111	118	7.0	Bảy	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
112	Nông Văn Tùng	112	117	7.0	Bảy	
113	Trần Văn Tùng	113	22	7.5	Bảy rưỡi	
114	Triệu Minh Tùng	114	21	8.0	Tám	
115	Lê Thanh Tùng	115	116	7.5	Bảy rưỡi	
116	Nguyễn Lâm Tùng	116	125	6.5	Sáu rưỡi	
117	Ma Xuân Tươi	117	30	7.0	Bảy	
118	Hà Đức Túy	118	124	7.0	Bảy	
119	La Văn Tuyên	119	28	8.0	Tám	
120	Trương Văn Tuyên	120	27	8.0	Tám	
121	Đồng Văn Tuyên	121	123	8.0	Tám	
122	Phan Văn Tuyền	122	122	7.0	Bảy	
123	Lâm Văn Tuyền	123	121	7.0	Bảy	
124	Phạm Thanh Tuyền	124	131	7.0	Bảy	
125	Bế Vương Tuyền	125	26	7.5	Bảy rưỡi	
126	Trịnh Công Út	126	35	7.5	Bảy rưỡi	
127	Hứa Đức Văn	127	132	6.5	Sáu rưỡi	
128	Triệu Văn Vĩ	128	29	7.0	Bảy	
129	Lương Văn Viên	129	130	6.5	Sáu rưỡi	
130	Nông Văn Vinh	130	33	8.0	Tám	
131	Ma Khắc Võ	131	34	7.5	Bảy rưỡi	
132	Phùng Tuấn Vũ	132	129	7.5	Bảy rưỡi	
133	Ma Đình Vương	133	128	7.5	Bảy rưỡi	
134	Hoàng Văn Vượng	134	126	7.5	Bảy rưỡi	
135	Bế Văn Xin	135	127	7.5	Bảy rưỡi	

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

Nguyễn Phúc Ái

KHOA DÂN VẬN

Đàm Thị Hạnh

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Phạm Minh Chuyên